

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-PT

Ngày: 11/01/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy – thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; địa chỉ: Xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An; có mặt

2. *Người bị kiện:*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A

+ Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã D: Ông Nguyễn Đức S; chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 6, xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm 3, xã Nghi Vạn, huyện L, tỉnh Nghệ An; có mặt

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm 4, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

- Anh Nguyễn Cảnh Q, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

- Chị Hoàng Hải H, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/7/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Cảnh N là vợ chồng từ năm 1966. Năm 1976, bà và ông N được Hợp tác xã Nông nghiệp Nghi Diên cấp cho vợ chồng quyền sử dụng 1 thửa đất tại xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An với diện tích hơn 800m² để ở. Năm 1982, ông N và bà đã li hôn tại Tòa án nhân dân huyện L và hai vợ chồng tách ra ở độc lập trên hai nửa thửa đất. Năm 1996, ông N được cấp đất theo Nghị định 64 toàn bộ diện tích thửa đất của vợ chồng bà được Hợp tác xã Nông nghiệp cấp cho vợ chồng năm 1976. Năm 2015, ông N được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 923, tờ bản đồ số 08 (là gần một nửa thửa đất được cấp năm 1976 cho ông bà); còn bà được sử dụng thửa đất số 899, tờ bản đồ số 08 (là phần còn lại của thửa đất ông bà được cấp năm 1976) và vẫn chưa được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do bà không đồng ý cấp riêng thửa của bà mà bà yêu cầu cấp chung cho bà cả hai thửa đất. Bà cho rằng khi li hôn, Tòa án đã giao cho bà quyền sử dụng toàn bộ thửa đất ở này vì bà là nông dân còn ông N là cán bộ không được cấp đất. Ngoài ra, bà cho rằng Ủy ban nhân dân huyện L đã có văn bản số 495/UBND-TTr ngày 28/5/2009 buộc Ủy ban nhân dân xã D phải làm hồ sơ cấp đất cho bà. Bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà toàn bộ diện tích mà Hợp tác xã Nông nghiệp đã cấp cho vợ chồng bà trước đây thì không được Ủy ban nhân dân xã D chấp nhận vì cho rằng không có căn cứ pháp lý. Trong quá trình giải quyết khiếu nại của bà, ngày 12/12/2018, Ủy ban nhân dân xã D đã ban hành Công văn số

37/UBND-BTD từ chối lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất như bà yêu cầu. Nay bà khởi kiện yêu cầu:

- Đề nghị Tòa án hủy công văn số 37/UBND.BTD ngày 12-12-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D. Buộc Ủy ban nhân dân xã D lập Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ 02 thửa đất số 433, tờ bản đồ số 05, diện tích 410m² (nay là thửa đất số 899, tờ bản đồ số 08, diện tích 448m² theo đo đạc năm 2005) và thửa đất số 434 tờ bản đồ số 05, diện tích 416m² (nay là thửa đất số 923, tờ bản đồ số 08, diện tích 419m² theo đo đạc năm 2005) cho bà Nguyễn Thị N.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã D bồi thường cho bà tiền mất thu nhập từ hoa lợi trên thửa đất số 923, tờ bản đồ số 08, diện tích 419m² với số tiền 500.000.000 đồng kể từ năm 1983 cho đến nay. Hoa lợi có được từ chăn nuôi, trồng rau màu, cây ăn quả.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã D trình bày:

Bà Nguyễn Thị N viết đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã từ rất lâu. Nội dung khiếu kiện, bà N cho rằng từ năm 1976, bà và chồng là ông Nguyễn Cảnh N được quyền sử dụng 1 thửa đất tại xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An. Năm 1982, vợ chồng bà li hôn tại Tòa án nhân dân huyện L và sau đó hai vợ chồng tách ra sống mỗi người 1/2 thửa đất.

Năm 2017, ông N chết và bà làm thủ tục yêu cầu Ủy ban nhân dân xã D tiến hành lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với toàn bộ thửa đất của bà và của ông N đã sử dụng.

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành kiểm tra, xác minh và thấy:

+ Tại hồ sơ Đất đai (nói chung) lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã D thì: ông Nguyễn Cảnh N là chủ sử dụng 416m² đất tại thửa số 434, tờ bản đồ số 05; Bà Nguyễn Thị N quản lý thửa số 433, diện tích 410m² thuộc tờ bản đồ số 05. Cả hai thửa đất đều tại xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Nguyễn Cảnh N được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số H 499356 (sổ vào sổ 394/QSDĐ) ngày 08/8/1996.

Năm 2005, theo đo đạc mới thể hiện:

- Thửa đất số 899, tờ bản đồ số 08 có diện tích 448m² do bà Nguyễn Thị N là chủ sử dụng.

- Thửa đất số 923 tờ bản đồ số 08 diện tích 419m² do ông Nguyễn Cảnh N làm chủ sử dụng.

Về nguồn gốc sử dụng đất:

- Đúng như bà N đã trình bày là từ năm 1976, Hợp tác xã đã giao cho vợ chồng ông N, bà N sử dụng thửa đất. Tuy nhiên, từ sau năm 1982 khi hai vợ chồng li hôn thì ông bà tách ra ở riêng và ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với riêng phần đất ông ở chứ không phải là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất chung như bà N khai.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà N, Ủy ban nhân dân xã D đã căn cứ vào quy định của pháp luật về đất đai, về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã thụ lý đơn của bà N từ năm 2009; quá trình giải quyết qua nhiều lãnh đạo xã và đến năm 2018 đã ban hành văn bản số 37/UBND.BTD ngày 12/12/2018. Theo ông Nguyễn Đức Sơn là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D thì văn bản trên hoàn toàn đúng về nội dung, đảm bảo về trình tự thủ tục pháp lý nên không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc hủy văn bản này. Đồng thời, việc không lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 2 thửa đất cho bà N là đúng; văn bản trả lời phù hợp pháp luật nên Ủy ban nhân dân xã không có vi phạm gì; đề nghị Tòa án công nhận tính hợp pháp của công văn trên và bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã đền bù thiệt hại do hành vi mà bà N cho rằng không lập hồ sơ cấp giấy cho bà gây ra với số tiền 500.000.000 đồng như bà N yêu cầu.

Những người con của ông N, bà N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm có: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị C, Nguyễn Cảnh Q đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đúng tình, hợp lý để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mọi người.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào điều 164; điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Công văn số 37/UBND.BTD do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A ký ban hành ngày 12/12/2018 vì không có căn cứ pháp luật.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N buộc Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A bồi thường cho bà số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) do Ủy ban nhân dân xã D không lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất số 923 tờ bản đồ số 08 diện tích 419m² mà ông Nguyễn Cảnh N là chủ sử dụng do không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí Hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2020, bà Nguyễn Thị N là người khởi kiện có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy các quyết định hành chính hủy Công văn số 37/UBND.BTD ngày 12-12-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, buộc Ủy ban nhân dân xã D lập Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ 02 thửa đất số 433, tờ bản đồ số 05, diện tích 410m² (nay là thửa đất số 899, tờ bản đồ số 08, diện tích 448m² theo đo đạc năm 2005) và thửa đất số 434 tờ bản đồ số 05, diện tích 416m² (nay là thửa đất số 923, tờ bản đồ số 08, diện tích 419m² theo đo đạc năm 2005) cho bà Nguyễn Thị N; buộc Ủy ban nhân dân xã D bồi thường cho bà tiền mất thu nhập từ hoa lợi trên thửa đất số 923, tờ bản đồ số 08, diện tích 419m² với số tiền 500.000.000 đồng kể từ năm 1983 cho đến năm 2019. Còn công văn số 37/UBND - PTP ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, bà không quan T1.

Người bị kiện vắng mặt. Các đương sự không đối thoại được với nhau và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính của Hội đồng xét xử, các đương sự là đúng quy định của pháp luật tố tụng về hành chính. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà N do bà N là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 31/7/2019, bà Nguyễn Thị N đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L đối với Công văn số 37/UBND. BTĐ ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A, đồng thời yêu cầu đòi bồi thường tiền hoa lợi do không được sử dụng đất từ năm 1983 đến nay. Công văn số 37/UBND.BTD này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ban hành. Về bản chất, Công văn 37 chính là Quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 luật Tố tụng Hành chính.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2020, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo đối với bản án 01/2020/HC-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An là đúng quy định tại các điều 204, 205, 206 của Luật tố tụng hành chính, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Đối với công văn số 37/UBND.BTD ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A:

[2.1.1] Về thẩm quyền ban hành: Trong Công văn số 37/UBND.BTD, ông Nguyễn Đức Sơn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ký với tư cách thay mặt Ủy ban nhân dân xã D. Qua làm việc, ông Nguyễn Đức Sơn khẳng định đây là sai sót khi ban hành văn bản đã không kiểm tra chữ thực chất, đây là việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Do đó, thực chất Công văn số 37/UBND.BTD là văn bản trả lời khiếu nại của bà Nguyễn Thị N do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ký ban hành là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 28/5/2009, Ủy ban nhân dân huyện L đã có văn bản số 495/UBND-TTr giao cho Ủy ban nhân dân xã D giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N. Đơn khiếu nại của bà N được Ủy ban nhân dân xã thụ lý, vào sổ giải quyết khiếu nại và sổ tiếp dân. Do hồ sơ giải quyết từ năm 2009 đến 2017 đã thất lạc vì thay đổi cán bộ tư pháp, cán bộ địa chính chết đột ngột...nên hiện tại chỉ còn sổ lưu trữ nội dung trên. Ngày 21/7/2009, Ủy ban nhân dân xã D đã có văn bản số 15/BC-UBND giải quyết khiếu nại, báo cáo rõ sự việc với Ủy ban nhân dân huyện và đương sự khiếu nại. Tuy nhiên, từ năm 2009 đến nay, bà N tiếp tục khiếu nại mặc dù lúc đó ông Nguyễn Cảnh N còn sống nhưng không khiếu kiện lên Tòa án để xem xét việc phân chia tài sản như bà trình bày. Năm 2017, sau khi ông N chết, bà N tiếp tục khiếu nại. Do đó, Ủy ban nhân dân xã D đã ban hành Công văn số 37 ngày 12/12/2018 để trả lời dứt điểm nội dung khiếu nại của bà N. Vì vậy, Công văn số 37/UBND.BTD ngày 12/12/2018 được ban hành đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.1.3] Về mặt hình thức: Việc giải quyết khiếu nại của công dân trong lĩnh vực quản lý đất đai phải tuân thủ theo quy định của Luật khiếu nại. Tại khoản 11 Điều 2 Luật khiếu nại quy định: “11. *Giải quyết khiếu nại* là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại”. Việc ban hành Công văn để giải quyết khiếu nại là vi phạm quy định về mặt hình thức của Luật khiếu nại. Cũng như sai sót về thẩm quyền người ký văn bản, việc sai sót về hình thức ban hành văn bản không làm thay đổi bản chất sự việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị N.

[2.1.4] Về nội dung: Năm 1976, bà Nguyễn Thị N và chồng là ông Nguyễn Cảnh N được quyền sử dụng 1 thửa đất tại xóm 4, xã D, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Năm 1982, vợ chồng bà li hôn tại Tòa án nhân dân huyện L và sau đó hai vợ chồng tách ra sống mỗi người trên 1/2 thửa đất. Năm 2009, bà làm thủ tục yêu cầu Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với toàn bộ thửa đất của bà và của ông N đã sử dụng và đã được các cấp chính quyền giải quyết nhiều lần. Năm 2017, ông N chết, bà lại tiếp tục khiếu nại. Giữa ông N và bà N có 04 người con chung là chị T, chị T1, chị C và anh Q. Từ lâu nay và thời điểm hiện tại thì anh Nguyễn Cảnh Q cùng vợ là Hoàng Hải H đang sinh sống trên thửa đất đó.

Xét về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1976, Hợp tác xã đã giao cho vợ chồng ông N, bà N sử dụng thửa đất (bao gồm cả đất ông N, cả đất bà N như bản đồ 2005 thể hiện). (Nội dung này không cần chứng minh theo quy định của pháp luật vì cả hai bên đương sự đều thừa nhận).

Năm 1982, ông N và bà N đã li hôn tại Tòa án nhân dân huyện L. Tòa án cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về thực trạng hai thửa đất và khẳng định hai phần đất độc lập, có ranh giới rõ ràng và trên phần đất ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xây dựng nhà ở kiên cố, sử dụng ổn định nhiều năm nay. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế thứ nhất, là con đẻ của ông N, bà N đều công nhận bố mẹ họ li hôn từ năm 1982 và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vị trí đất của ông N: phía Bắc giáp đất bà đang ở; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc Khon; Tây giáp đất ông Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Cảnh D; Đông giáp đường Nghi Diên, Nghi Vạn; Vị trí đất của bà N: Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị X; Nam giáp đất ông Nguyễn Cảnh N ở; Tây giáp đất Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Cảnh D; Đông giáp đường Nghi Diên, Nghi Vạn. Cả hai thửa đều được đo đạc và thể hiện trong bản đồ địa chính.

Như vậy, kể từ sau khi li hôn năm 1982 thì ông N và bà N đã tách ra ở hai phần thửa đất một cách riêng biệt. Từ năm 1982 đến năm 1996 là khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ông đang sinh sống, quản lý (không phải cấp toàn bộ cả hai thửa cho ông N như bà N khai nại) thì bà N không có ý kiến gì. Khi ông Nguyễn Cảnh N và con cái xây dựng nhà cửa kiên cố, ổn định và đến năm 2005 thì đo đạc bản đồ địa chính mới, đến năm 2015 thì ông N được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới như trên. Toàn bộ sự việc đó, bà N đều biết, đều chứng kiến nhưng không có ý kiến gì phản đối. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị N cho rằng khi li hôn, Tòa án đã giao cho bà quyền sử dụng toàn bộ thửa đất của vợ chồng nhưng bà không cung cấp được một tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà có quyền sử dụng phần đất mà ông N sử dụng như: Quyết định công nhận thuận tình li hôn của các đương sự có phân chia về tài sản; Văn bản phân chia tài sản sau khi li hôn; Hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng..... Qua xác

minh, điều tra thì tại Tòa án cũng không lưu giữ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc li hôn của vợ chồng bà. Một trong những người thừa kế tài sản của vợ chồng bà là anh Nguyễn Cảnh Q đang sống trên thửa đất ông N sử dụng trước đến nay. Việc bà yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với toàn bộ cả hai thửa đất là không đúng pháp luật vì chưa có ý kiến của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Cảnh N. Như vậy, nội dung Công văn số 37 nêu trên khẳng định không có cơ sở pháp lý để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ hai thửa đất trên là đúng, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ pháp lý.

Như vậy, có cơ sở để khẳng định Công văn số 37/UBND.BTD do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ký ban hành ngày 12/12/2018 tuy có vi phạm về hình thức nhưng nội dung giải quyết đúng, có căn cứ pháp luật nên cần bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

[2.2]. Đối với yêu cầu đền bù thiệt hại do Ủy ban nhân dân xã không thực hiện hành vi hành chính là lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ hai thửa đất trên cho bà nên bà không thu hoạch được từ chăn nuôi, trồng trọt trên đất ông N với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng):

Ông Nguyễn Cảnh N đã tách ra ở riêng từ năm 1982; ông và con cái đã xây dựng nhà cửa trên khuôn viên tách rời này từ đó đến nay. Công văn số 37/UBND-BTD của Ủy ban nhân dân xã D khẳng định bà không có căn cứ pháp lý để yêu cầu lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất của vợ chồng bà được Hợp tác xã Nông nghiệp cấp năm 1976. Như đã phân tích trên, Công văn này đã được ban hành đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ thể hiện bà được quyền quản lý, sử dụng cả hai thửa đất từ năm 1982 đến nay, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hai thửa đất như bà đang khiếu nại. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện L bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận nhưng do bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An.

Áp dụng Điều 164; điểm a, khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Công văn số 37/UBND.BTD ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A và buộc Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh A bồi thường cho bà số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) do Ủy ban nhân dân xã D không lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất số 923 tờ bản đồ số 08 diện tích 419m² mà ông Nguyễn Cảnh N là chủ sử dụng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí Hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bà Trần Thị Mỹ Hải Bà Nguyễn Thị Thu Từ Nguyễn Thị Hải Minh